

SAFETY JOGGER INDUSTRIAL

Medium

MODULO PURE S3S VMTG

MDLOPUVELM

Giày an toàn cao đế **gót Velcro** dễ v ệ **sinh và không** đế g ốc chứa **kim** l g thủn g **và** đế **ngoài Tiger Grip có** độ **bám** cự c **cao.**

chày, không giày kim trung bày Lorica, khóa dán Velcro và Tiger Grip mảng trên sàn và không bắn g phẳn g. An toàn và thân mội



WHT



BLK

Những vật liệu cao cấp hơn	Lorica
i 3D tái chế (100% tái chế)	
Đ ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)	
Đ ế g ệt chống thủ ng	
Đ	Cao su (NBR), BASF PU
Đứng đầ	Nanocarbon
Loạ	S3S / SR, FO, HI, HRO, CI, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
thép	0.640 kg
hiêu chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024

Kim l
Giày an toàn không có giày an toàn thông thường. Chúng cũng ể cả bề mặt ấn đế ệt độ cho các chuyên gia giày.

Tiger Grip công nghệ
Tiger Grip năng, thiết kế gai mòn và và khô ẩm. Chúng được làm từ hợp chất cao su và có các hoa văn cũng như đường rãnh cụ thể để bám và độ ổn định.

ần **chay** thu
ử dụ Không
Không chứa chất động vật

Mũi giày an toàn bằng **nano-carbon**
Vật liệu công nghệ cao siêu nhẹ, không kim l

(SR) Chống t
đây SRA/SRB/SRC. SR có nghĩa là phép thử tiêu chuẩn và dầ

Đ nhiệt
Đ được nhiệt độ cao lên đến 300°C.

Công nghiệp **n:**
phục vụ **ăn** uố n g, **Hoá** h oạc h , **Làm** sc ướ m &

ường: **Môi** t
Bề mặt cự c mị n , b ề mặt trấ m **ám**, **môi** ẩm ư ớt

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t **giày, chúng tôi khuyên bạn nên** v ệ sinh giày thư ờn g **xuyên và bảo** v ệ **chúng** bằng phẳ **cách** hoặ **Không** trên lò

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **Lorica cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng thấm hút mồ hôi	? 0.8		1.80	ời	mg/cm/g
	Top: hi nụ sốc h ơ	? 15		17		mg/cm2
ót bên trong	i **3D tái** ch ế **(100% tái** ch ế)					
	L ớp **lót:** thấm hút mồ hôi	? 2		18.2	ời	mg/cm/g
	lót: hi nụ sốc h ơ	? 20		146.8		mg/cm2
rong	Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)					
	ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ướ t) (chu kỳ)	25600/12800		Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles		chu kỳ
goài	Đ	**Cao su (NBR), BASF PU**				
	Ch ố n g trượt **mài mòn** (**đế ngoài** (	? 150		124		mm
	Chư ố ợt trơ gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt **gót** v ề **phía** t	? 0.31		0.38		ma sát
	rư Cột cố ợt bằng - G ố m + NaLS - Trư ợt **lùi** v ề **phía** t	? 0.36		0.45		ma sát
	rư Cột SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt **gót** phía t	? 0.19		0.23		ma sát
	Chư ố ợt trơ SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt v ề **phía** t	? 0.22		0.26		ma sát
	rị ch ố Giá t tĩnh điệ n	0.1 - 1000		57.1		megaohm
	rị ESD Giá t	0.1 - 100		69		megaohm
	Hấp thụ năng l ợ **gót** chân củ	? 20		32		J
Đ ướ n g đầ	**Nanocarbon**					
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A		N/A		mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A		N/A		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14		17.0		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14		23.0		mm

kích thước thép: 42

a chú Giày khôn có thay và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có bằng văn bản.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO#hát** thả					
	V ật l iệu		6.41		kg
	Bao bì		0.13		kg
	ất Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			8.70 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l Tiệ ý **tái** ch ế				
	Product		10%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
rị đ **Các** giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng **các** công cụ tính toán **tiên** tiến và **tuân** thủ **các** tiêu chuẩn **CO2** hiện hành. Giá trị có thể thay đổi.